

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trái ngược với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

NKG, DPM

## [Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

22/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,379.23	+0.66
VN30	1,444.32	+1.22
HĐTL VN30F1M	1,445.00	+1.28
HNXIndex	359.12	-2.04
HNX30	638.93	-2.91
UPCoM	104.15	-0.71
USD/VND	22,969	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.07	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.79	+11
Dầu (WTI, \$)	103.22	-0.55
Vàng (LME, \$)	1,949.02	-0.13



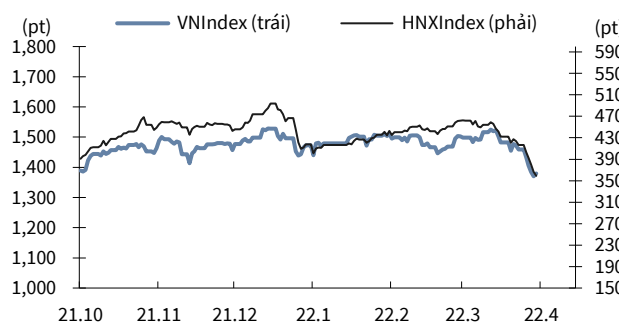
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,379.23 (+0.66%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>834.4 (+17.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,079.3 (+4.2%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>359.12 (-2.04%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>120.3 (+7.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>106.3 (+8.1%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>104.15 (-0.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>93.8 (+15.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>49.7 (-9.4%)</b>

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +40.0**

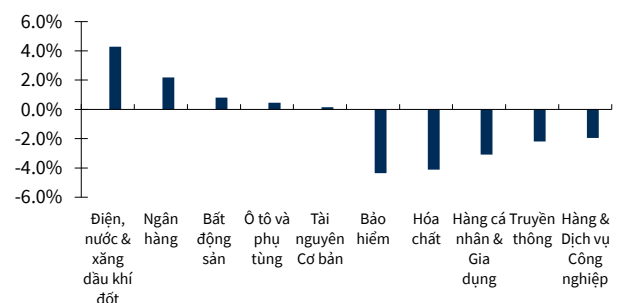
TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên trước thông tin Tổng cục Hải quan cho biết kim ngạch xuất khẩu nửa đầu tháng 4 của Việt Nam đạt 15.3 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ. Theo số liệu từ Thống kê Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ sản phẩm từ sản phẩm đầu tháng 4 đạt 53 triệu USD, tăng 40.3% so với cùng kỳ tác động tích cực đến cổ phiếu ngành sản ở CAP (+4.5%). Bộ Giao thông vận tải đề xuất cho phép áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù đẩy nhanh tiến độ 3 dự án giao thông trọng điểm Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng tác động tích cực đến nhóm cổ phiếu hạ tầng, nguyên vật liệu ở BCC (+1.2%), C4G (+0.5%). Khối ngoại mua ròng ở MSN (+0.2%), DXG (+7%), DGC (-3.6%).

## VNIndex & HNXIndex



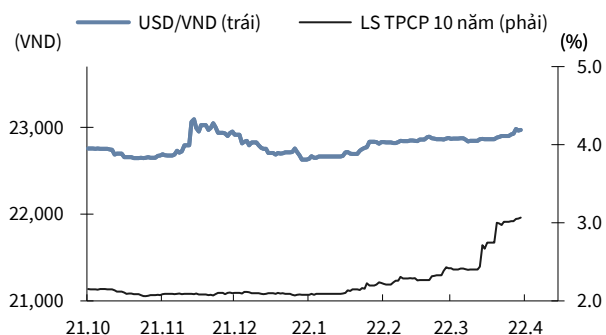
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



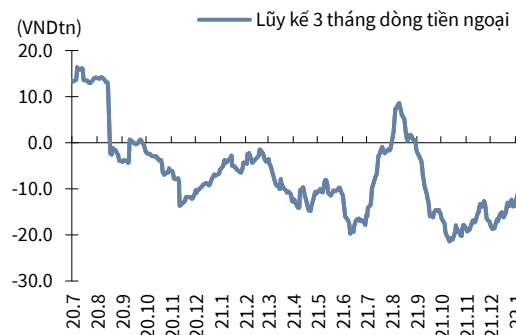
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

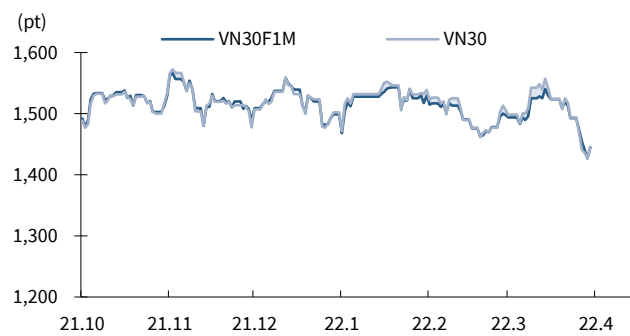
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,444.32 (+1.22%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,445.0 (+1.28%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,442.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,459.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,434.7</b>

Các HĐTL giảm điểm trái ngược với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2205 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày 22.93 điểm sau đó biến động duy trì ở biên độ dương và đóng cửa ở mức 0.68 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

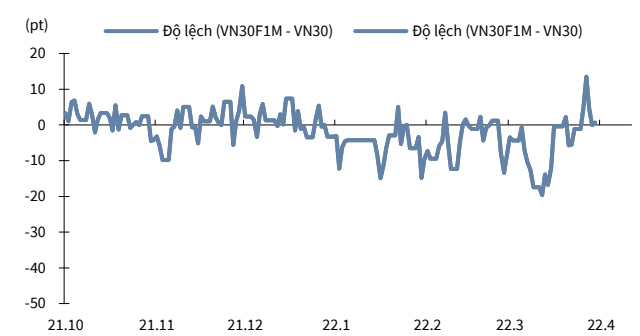
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>227,487 (-4.0%)</b>
------------------	------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



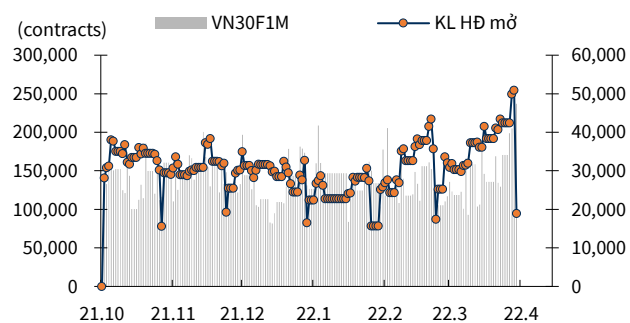
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



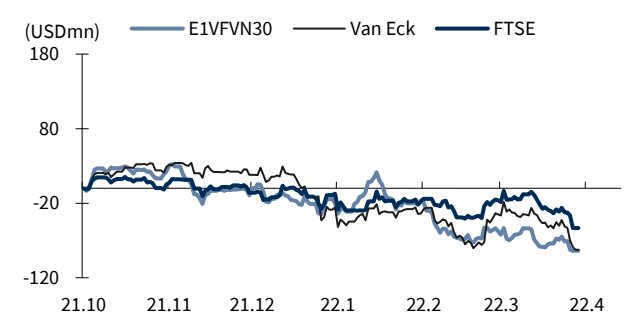
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

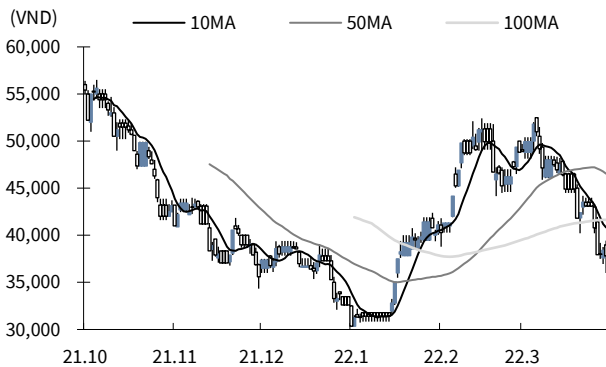
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

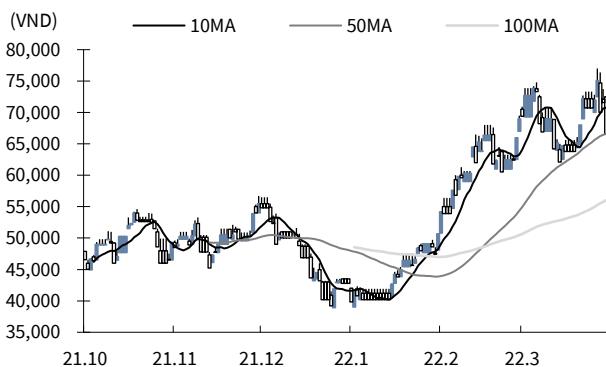
## CTCP Thép Nam Kim (NKG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NKG giảm 1.56% xuống 37,800 VND/cp
- Tôn Nam Kim lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1,600 tỷ đồng (-28% YoY) và doanh thu hợp nhất 28,000 tỷ đồng, tương đương năm 2021 trên kịch bản giá HRC năm nay sẽ ở mức cao từ 850 USD trở lên.
- Tôn Nam Kim thông qua lập công ty con và đầu tư nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ có quy mô 1.2 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 4,500 tỷ đồng với nhà máy bao gồm tôn cán nguội, thép cuộn, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh)...

## Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (DPM)



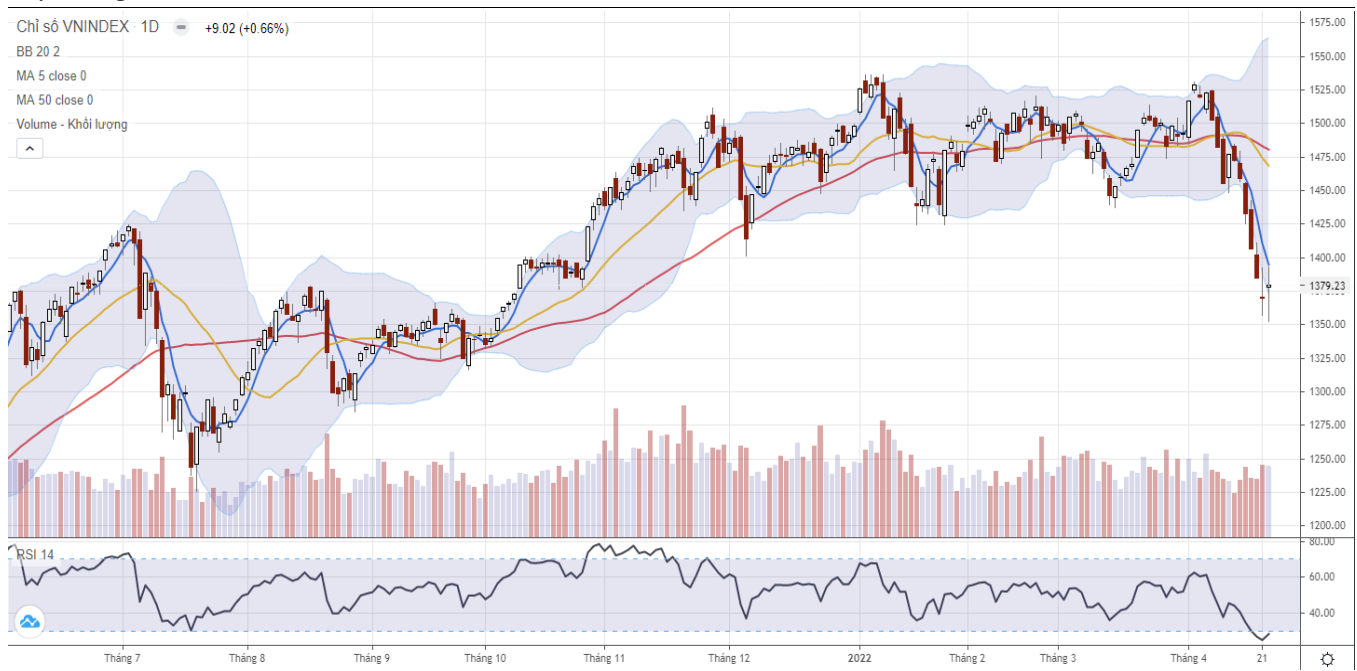
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM giảm 6.98% xuống 66,600 VND/cp
- Đạm Phú Mỹ ghi nhận lãi kỷ lục 2,224 tỷ đồng quý I/2022, gấp 12.4 lần cùng kỳ năm trước với doanh thu thuần gấp 3 lần lên 5,829 tỷ đồng, sản lượng kinh doanh đạt khoảng 346,000 tấn phân bón, hóa chất các loại. Trong đó, sản phẩm chủ lực Đạm Phú Mỹ tiêu thụ gần 246,000 tấn, vượt 34% kế hoạch quý và tăng 30% so với cùng kỳ năm trước, NPK Phú Mỹ đạt 41,000 tấn, vượt 19% kế hoạch quý và tăng 78% so với cùng kỳ năm trước.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

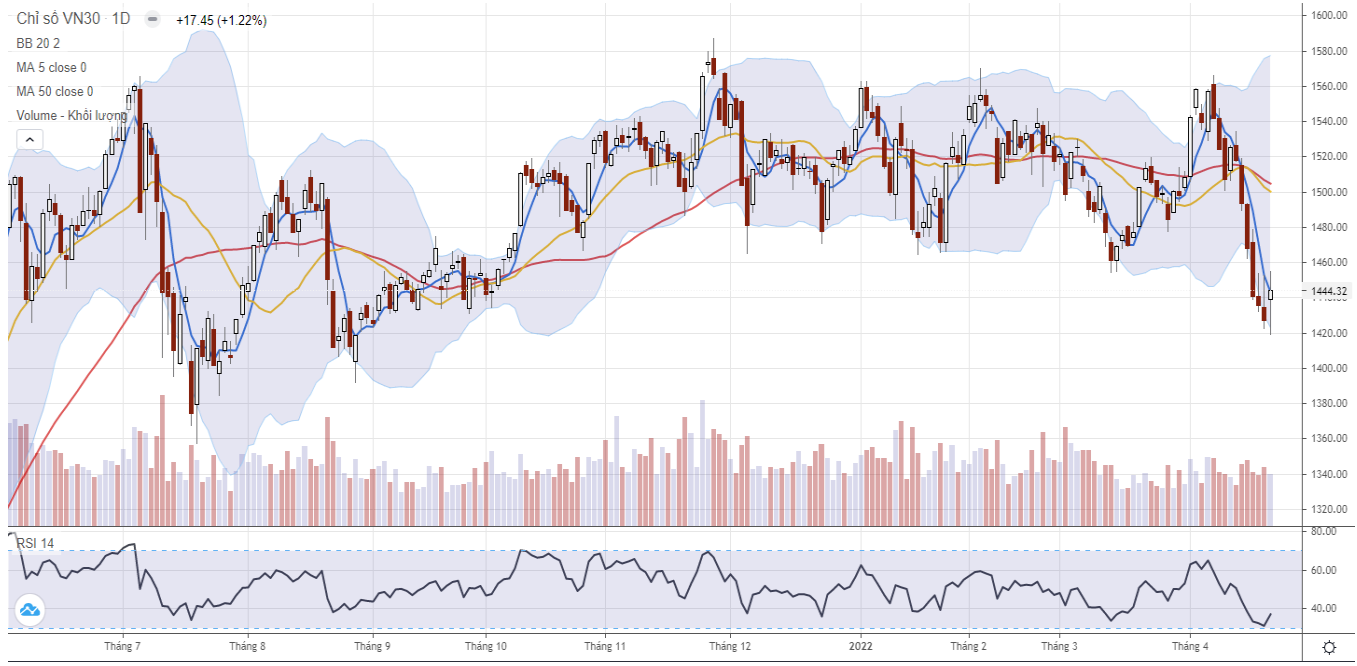
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm giảm co trước khi hồi phục và lấy lại phần lớn thành quả đã mất về cuối phiên.
- Việc chỉ số sớm hồi phục sau khi về gần vùng hỗ trợ 135x và sự xuất hiện của mẫu nến Doji với bóng dưới dài đã giúp trạng thái thị trường trở nên cân bằng hơn. Mặc dù vậy, VNIndex nhiều khả năng sẽ còn trải qua diễn biến rung lắc mạnh trong những phiên kế tiếp và cơ hội tạo đáy, hồi phục thành công vẫn chưa được đánh giá cao chừng nào chỉ số chưa vượt được vùng cản quanh 1400.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1465 - 1468

Kháng cự gần: 1455 - 1460

Hỗ trợ gần: 1430 - 1435

Hỗ trợ xa: 1420 - 1424

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, F1 đảo chiều giảm điểm giảm co trước khi hồi phục và lấy lại một phần thành quả đã mất về cuối phiên.
- Việc chỉ số sớm hồi phục sau khi về gần vùng hỗ trợ 142x đã giúp trạng thái thị trường trở nên cân bằng hơn. Mặc dù vậy, F1 nhiều khả năng sẽ còn trải qua diễn biến rung lắc mạnh trong những phiên kế tiếp và cơ hội tạo đáy, hồi phục thành công vẫn chưa được đánh giá cao chừng nào chỉ số chưa vượt được vùng cản quanh 146x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

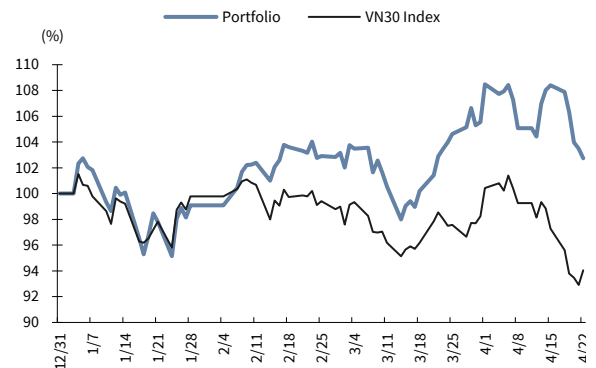
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.22%	-0.72%
Tăng lũy kế (YTD)	-5.95%	2.74%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	155,800	0.2%	101.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	66,600	-7.0%	10.4%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	115,000	-3.4%	50.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	196,000	-2.0%	2.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	76,600	-5.2%	125.3%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	111,100	-0.8%	281.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,400	1.4%	55.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,300	7.0%	53.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,800	1.0%	202.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	42,500	1.6%	210.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duyệt cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXG	6.9%	32.1%	101.8
MSN	0.2%	28.4%	101.7
DGC	-3.6%	14.4%	98.4
VNM	1.2%	54.2%	87.0
GAS	7.0%	2.8%	83.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DPM	-7.0%	12.3%	-76.2
VND	-2.2%	17.1%	-55.4
VHM	1.1%	23.5%	-155.2
OCB	2.1%	22.0%	-27.2
HDB	1.0%	16.0%	-26.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.1%	1.4%	5.3
PVI	-3.1%	58.0%	3.9
TA9	7.2%	9.9%	0.8
TKU	-9.7%	7.6%	0.5
TNG	-9.8%	1.7%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-3.7%	8.5%	-15.2
SHS	0.0%	8.4%	-1.4
IDJ	-4.6%	0.8%	-0.3
BVS	1.5%	9.0%	-0.3
HUT	-3.0%	0.6%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.8%	VJC, VNS
Y tế	-2.5%	DBD, VDP
Thực phẩm và đồ uống	-2.9%	SAB, VCF
Ngân hàng	-3.0%	VCB, SSB
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.4%	TMP, SHP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-13.9%	VCG, VGC
Hóa chất	-13.8%	GVR, PHR
Truyền thông	-13.3%	YEG, ADG
Dịch vụ tài chính	-11.1%	SSI, BCG
Ô tô và phụ tùng	-10.7%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	10.8%	FPT, CMG
Bán lẻ	6.3%	MWG, AST
Bảo hiểm	4.3%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, MSH
Thực phẩm và đồ uống	-0.9%	SAB, MSN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-22.4%	VCG, VGC
Truyền thông	-21.5%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	-19.9%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-16.1%	SSI, BCG
Dầu khí	-14.5%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	215,603 (9.4)	22.5	71.3	38.2	14.7	4.4	7.3	2.9	2.7	0.3	-3.7	-5.5	-18.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	303,781 (13.3)	26.6	7.9	6.7	35.9	24.6	22.7	1.8	1.4	1.1	-9.0	17.1	-21.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	123,458 (5.4)	17.8	26.1	18.0	-7.6	9.0	11.6	2.1	2.0	1.3	-1.9	-6.9	2.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	421,978 (18.4)	31.3	28.3	18.5	6.7	15.2	18.7	3.8	3.1	1.1	-3.7	-3.7	-11.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	62,839 (2.7)	11.6	22.3	17.9	13.7	13.7	14.4	2.6	2.2	2.1	-1.0	-7.2	-3.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	544,467 (23.8)	13.9	14.3	7.4	-	15.0	12.4	1.7	2.0	6.9	-7.6	23.3	-1.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	87,246 (3.8)	6.3	14.9	12.1	11.7	20.1	21.4	2.7	2.3	4.8	2.5	-3.2	4.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	103,580 (4.5)	12.7	14.5	10.5	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	0.0	-2.0	11.5	3.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	354,300 (15.5)	0.0	7.2	5.9	14.3	21.0	20.6	1.4	1.1	1.1	-3.3	11.6	-11.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	166,899 (7.3)	1.4	7.2	6.0	50.3	20.1	20.9	1.3	1.1	1.4	-5.2	10.9	-13.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	814,964 (35.6)	0.0	11.1	9.0	18.8	16.2	16.9	1.7	1.4	3.7	-4.4	-0.1	2.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	437,595 (19.1)	0.0	7.4	5.9	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	0.0	-4.5	-7.6	3.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	106,657 (4.7)	4.2	7.0	5.8	23.3	21.8	21.1	-	-	1.0	-4.4	11.1	-18.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	398,124 (17.4)	14.0	12.5	7.4	26.5	13.9	17.8	1.4	1.2	4.2	-4.3	15.4	-8.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	177,282 (7.7)	0.0	8.3	6.7	37.4	23.0	22.6	1.7	1.4	1.1	-5.8	13.1	-14.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	16,922 (0.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.6	-4.5	12.3	-5.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	136,707 (6.0)	21.0	21.1	18.2	15.8	10.2	11.1	2.1	1.9	-5.3	-5.7	7.7	12.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	33,523 (1.5)	14.2	35.5	16.1	9.1	11.6	13.5	3.9	1.8	-1.9	11.1	12.4	-15.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	355,321 (15.5)	55.4	16.1	15.2	-3.2	15.2	15.2	-	-	0.0	-9.9	18.7	-30.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	129,314 (5.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.9	10.8	25.4	-38.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	122,726 (5.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.1	-9.8	23.4	-39.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	449,410 (19.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.2	-6.1	-1.6	-4.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	247,916 (10.8)	42.1	15.9	14.7	4.0	30.8	33.0	4.6	4.3	1.2	-0.8	-1.3	-12.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	37,716 (1.6)	36.9	25.4	20.9	7.3	19.3	21.5	4.6	4.2	0.4	1.0	10.6	12.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	140,589 (6.1)	16.5	32.8	23.1	-51.9	16.1	21.6	5.5	4.5	0.2	-1.4	-0.4	-13.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	116,074 (5.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.4	23.2	31.0	-41.7	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	108,881 (4.8)	11.0	120.3	24.2	-88.5	6.8	19.8	-	-	1.2	1.7	-1.8	7.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	183,538 (8.0)	10.8	21.3	18.6	-57.0	12.2	13.6	2.4	2.3	-5.8	-8.6	-4.0	10.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	242,435 (10.6)	38.4	8.4	11.0	65.7	14.1	9.3	1.1	1.1	5.5	19.3	30.0	-48.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	111,124 (4.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.4	20.2	56.5	-70.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	668,035 (29.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.7	13.1	24.8	-27.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	99,963 (4.4)	3.6	12.1	9.0	-52.4	4.2	5.4	0.5	0.5	-6.9	18.3	34.9	-47.9
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	83,606 (3.7)	0.0	12.0	10.0	-4.5	13.8	14.4	1.6	1.4	-5.2	12.0	3.4	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	82,626 (3.6)	46.1	18.6	17.1	-17.5	20.4	19.5	3.8	3.6	7.0	-2.4	-2.3	16.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,096 (1.3)	31.4	11.3	9.8	-10.5	15.0	15.9	1.5	1.4	-2.6	-5.3	-1.1	-14.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,987 (0.1)	34.1	14.3	8.9	-5.1	10.1	17.3	1.3	1.2	0.8	-5.3	-9.8	-17.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	747,670 (32.7)	18.0	6.8	6.4	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	1.0	-0.9	-6.6	-5.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	489,477 (21.4)	36.5	7.0	14.5	-0.5	31.6	15.2	2.0	1.9	-7.0	-5.8	0.9	33.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	334,192 (14.6)	46.5	8.4	12.3	-4.5	29.9	17.6	2.2	2.0	-6.9	-9.8	13.3	5.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	264,945 (11.6)	38.9	4.8	5.4	67.9	24.0	19.9	1.1	0.9	0.3	-9.0	22.2	-19.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	123,840 (5.4)	97.2	13.4	12.0	17.2	7.0	7.6	0.9	0.9	0.7	-	-	-31.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	89,545 (3.9)	4.6	18.4	14.6	-51.0	14.1	15.9	1.9	1.8	-0.4	-8.4	-	-7.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	193,887 (8.5)	39.9	24.6	11.5	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.7	-7.0	-	-	-21.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	98,402 (4.3)	35.9	7.5	6.4	2.2	16.5	16.4	1.1	0.9	-4.8	-	-	-17.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	384,358 (16.8)	0.0	17.3	14.5	14.4	27.7	27.2	4.6	3.9	0.2	-2.7	15.2	14.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	149,636 (6.5)	0.0	19.7	16.1	2.4	21.2	21.6	3.6	3.0	-3.4	-1.8	7.5	19.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,091 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.5	-	-	-32.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	160,936 (7.0)	30.3	19.0	15.9	-75.2	30.5	28.4	5.4	4.1	-7.0	-6.1	8.0	54.1
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	82,723 (3.6)	34.6	9.2	10.4	41.2	35.0	25.3	2.6	2.3	-6.9	-	-9.0	-3.2
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,372 (0.1)	45.4	16.9	15.6	10.7	20.1	19.9	3.1	2.8	0.1	-0.2	-5.4	-10.0
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	389,670 (17.0)	0.0	20.0	16.0	15.5	26.9	28.5	4.8	4.2	-0.8	-3.4	15.2	19.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.